



CÔNG TY CỔ PHẦN TIE
262A Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.VTS, Q.3, TP.HCM
Tel: 028.38330855 Fax: 028.38332754
www.tiegroup.vn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:



TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán hiện hành và các văn bản pháp luật khác có liên quan của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần TIE (sau đây gọi tắt là “Công ty”);

Nay, Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt nội dung sửa đổi Điều lệ Công ty nhằm phù hợp với quy định của Pháp luật và thực tiễn tại Công ty (đính kèm *Bản thuyết minh Điều lệ sửa đổi*)

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 xem xét thông qua nội dung nêu trên bằng cách đánh dấu vào “**Phiếu biểu quyết**”.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

THUYẾT MINH

NỘI DUNG DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

(Lấy ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021)

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ sửa đổi	Lý do
1	Điểm c Khoản 1 Điều 1: “c. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp được Quốc hội Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.”	Điểm c Khoản 1 Điều 1: “c. “Luật doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021.”	Điều chỉnh cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành
2	Điểm b Khoản 2 Điều 1: “b. BKS là viết tắt của Ban kiểm soát.”	- Bỏ điểm này	Cho phù hợp với mô hình quản lý Công ty theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp hiện hành
3	Điểm d Khoản 1 Điều 1: “d. “Luật Chứng khoán” có nghĩa là Luật Chứng khoán được Quốc hội Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006.”	Điểm d Khoản 1 Điều 1: “d. “Luật Chứng khoán” có nghĩa là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021.”	Điều chỉnh cho phù hợp với Luật Chứng khoán hiện hành
4	Điểm h Khoản 1 Điều 1: “h. “Người có liên quan” có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại	Điểm h Khoản 1 Điều 1: “h. “Người có liên quan” có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại	Điều chỉnh cho phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán

Trang 1/30

	Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán.”	Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.”	hiện hành
5	Khoản 1 Điều 2: - Tên tiếng Anh: TELECOMMUNICATIONS - INDUSTRY – ELECTRONICS JOINT STOCK COMPANY - Logo: 	Khoản 1 Điều 2: - <i>Bỏ quy định Tên tiếng Anh</i> - <i>Bỏ logo</i>	Điều chỉnh nhằm phù hợp thực tiễn và định hướng phát triển Công ty
6	Khoản 3 Điều 2: “3. Trụ sở đăng ký của Công ty là: - Địa chỉ: 262A Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 08, Quận 03, Thành phố Hồ Chí Minh - Điện thoại: (028) 38 330 855 - Fax: (028) 38 332 754 Trường hợp có sự thay đổi, bổ sung liên quan đến thông tin Công ty thì Tổng giám đốc phải có trách nhiệm thực hiện các thủ tục thông báo cho cơ quan quản lý doanh nghiệp và công bố thông tin theo đúng quy định của Pháp luật.”	Khoản 3 Điều 2: “3. Trụ sở đăng ký của Công ty là: - Địa chỉ: 262A Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường <i>Võ Thị Sáu</i> , Quận 03, Thành phố Hồ Chí Minh - Trường hợp có sự thay đổi, bổ sung liên quan đến thông tin Công ty thì <i>Tổng giám đốc điều hành</i> phải có trách nhiệm thực hiện các thủ tục thông báo cho cơ quan quản lý doanh nghiệp và công bố thông tin theo đúng quy định của Pháp luật.”	Điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn
7	Khoản 1 Điều 3: “1. Mục tiêu của Công ty là nhằm thu hút rộng rãi vốn của các thành phần kinh tế để không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ; tạo công ăn việc làm, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập, đời sống người lao động trong Công ty; bảo đảm lợi ích hợp pháp cho các cổ đông; <i>làm tròn nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty.</i> ”	Khoản 1 Điều 3: “1. Mục tiêu của Công ty là nhằm thu hút rộng rãi vốn của các thành phần kinh tế để không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ; tạo công ăn việc làm, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập, đời sống người lao động trong Công ty; bảo đảm lợi ích hợp pháp cho các cổ đông và phát triển Công ty.”	

8	Khoản 2 Điều 3: “2. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty bao gồm: Được quyền kinh doanh các lĩnh vực mà pháp luật cho phép: 2.1. Hàng điện tử dân dụng. 2.2. Kinh doanh nguyên vật liệu. 2.3. Viễn thông. 2.4. Du lịch. 2.5. Dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi. 2.6. Đại lý kinh doanh xăng, dầu. 2.7. Các ngành, nghề, dịch vụ khác mà luật pháp không cấm.”	Khoản 2 Điều 3: “2. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty: Công ty được quyền kinh doanh đa lĩnh vực với các ngành, nghề mà Pháp luật không cấm.”	
9	Điều 10: “Điều 10: Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm: a. ĐHĐCĐ. b. HĐQT. c. BKS. d. Tổng Giám đốc điều hành.”	Điều 10: “Điều 10: Cơ cấu tổ chức và quản trị Cơ cấu tổ chức và quản trị của Công ty bao gồm: a. ĐHĐCĐ. b. HĐQT. c. Tổng Giám đốc điều hành.”	Cho phù hợp với mô hình quản lý Công ty theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp hiện hành
10	Khoản 3 Điều 11: “3. Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên tổng số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (6) tháng có quyền đề cử các thành viên BKS theo quy định. Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông nắm giữ từ 9% trở lên tổng số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (6) tháng, có các quyền sau:	Khoản 3 Điều 11: “3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau: a. Yêu cầu HĐQT kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công	Điều chỉnh cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành

	a. Đề cử các thành viên HĐQT theo quy định. b. Yêu cầu HĐQT thực hiện việc triệu tập ĐHĐCĐ theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp. c. Yêu cầu BKS kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản, phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, quyết định thành lập hoặc sổ đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và từng thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, vấn đề cần kiểm tra, căn cứ kiểm tra. d. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông. e. Các quyền khác theo quy định của Pháp luật.”	dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; b. Có quyền yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho việc yêu cầu là có cơ sở. c. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.”	
11	(Không có)	Khoản 4 Điều 11: “4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ	Điều chỉnh cho phù hợp với mô hình hoạt động và Luật

		từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử các thành viên HĐQT theo quy định tương ứng tại các Điều 24 Điều lệ này."	Doanh nghiệp hiện hành
12	(Không có)	Khoản 5 Điều 11: "Với cổ đông là pháp nhân, pháp nhân đó có thể thay người đại diện. Người đại diện đó được hưởng mọi quyền lợi cũng như nghĩa vụ của người đại diện trước đó. Việc thay đổi người đại diện phải được thông báo cho HĐQT bằng văn bản."	Điều chỉnh cho phù hợp với tình hình quản trị Công ty
13	(Không có)	Khoản 6 Điều 11: "Các quyền khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này."	Điều chỉnh cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành
14	Khoản 4 Điều 12: "4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần."	Khoản 4 Điều 12: "4. Cung cấp thông tin chính xác khi đăng ký mua cổ phần, bao gồm nhưng không giới hạn: địa chỉ thường trú, số Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác (đối với cổ đông là cá nhân); tên, địa chỉ trụ sở chính, người đại diện theo pháp luật, các thông tin ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định thành lập (đối với cổ đông là tổ chức). Ngoài ra phải thông báo ngay cho Công ty hoặc Cơ quan quản lý chứng khoán để cập nhật các thông tin nêu trên khi có sự thay đổi."	Điều chỉnh cho rõ hơn
15	Khoản 5 Điều 12: "5. Tham gia các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc	Khoản 5 Điều 12: "5. Tham gia các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:	Điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn và quy định Pháp luật

	thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên HĐQT làm đại diện cho mình tại ĐHĐCĐ."	a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử."	
16	Khoản 6 Điều 12: "6. Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây: a. Vi phạm pháp luật. b. Tiến hành đăng ký kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác. c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty."	Khoản 6 Điều 12: "6. Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây: a. Vi phạm pháp luật. b. Tiến hành đăng ký kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác. c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty."	Điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn
17	Khoản 1 Điều 13: "1. ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một (1) lần trong thời hạn bốn (4) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính."	Khoản 1 Điều 13: "1. ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trong trường hợp cần thiết, HĐQT quyết định gia hạn họp ĐHĐCĐ, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính."	Điều chỉnh cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành
18	Khoản 2 Điều 13: "2. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên do	Khoản 2 Điều 13: "2. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên và bất	Điều chỉnh cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện

	HDQT triệu tập và tổ chức tại một địa điểm ở Việt Nam do HDQT quy định tùy từng thời điểm. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên quyết định những vấn đề được pháp luật và Điều lệ này quy định. <i>Đặc biệt, các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.</i>	<i>thường được triệu tập và tổ chức tại một địa điểm ở Việt Nam do HDQT hoặc người có thẩm quyền triệu tập quy định tùy từng thời điểm. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên và bất thường quyết định những vấn đề được Pháp luật và Điều lệ này quy định.</i>	hành
19	Khoản 3 Điều 13: “3. HDQT phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau: a. HDQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. <i>Việc triệu tập là cần thiết nếu các kiểm toán viên độc lập thấy rằng cuộc họp là quan trọng để thảo luận về báo cáo kiểm toán hoặc về tình hình tài chính của Công ty và HDQT cũng nhận thấy như vậy.</i> b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính cho thấy vốn Điều lệ đã bị mất một nửa. c. Khi số thành viên của HDQT bị giảm quá 1/3 so với số quy định trong Điều lệ mà không có người thay thế, bổ sung. d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 9% trở lên tổng số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất	Khoản 3 Điều 13: “3. ĐHĐCĐ bất thường được triệu tập trong các trường hợp sau: a. HDQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính cho thấy vốn Điều lệ đã bị mất một nửa [1/2]. c. Khi số lượng thành viên HDQT còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Pháp luật. d. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này; e. Ủy ban Kiểm toán có quyền yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu có lý do tin tưởng rằng các thành viên HDQT hoặc bộ máy quản lý cao cấp vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo quy định của Pháp luật; hoặc	Điều chỉnh cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành

	sáu (6) tháng yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ khi phát sinh các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 114 Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ. Kèm theo yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của HĐQT, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. e. BKS yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu BKS có lý do tin tưởng rằng các thành viên HĐQT hoặc bộ máy quản lý cao cấp vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo quy định của Pháp luật; hoặc HĐQT hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình. g. Khi khuyết 01 thành viên BKS và các thành viên còn lại nhận thấy rằng hoạt động của BKS không đảm bảo hiệu	HĐQT hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình. f. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.”	
--	--	--	--

	quả theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này. Trường hợp khuyết 02 thành viên trở lên thì phải triệu tập họp ĐHĐCĐ. h. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.”		
20	Khoản 4 Điều 13: “4. Thâm quyền triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường: a. HĐQT phải triệu tập một cuộc họp cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT hoặc BKS còn lại như quy định tại điểm c và g khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu nêu tại điểm d và e khoản 3 Điều này. Các trường hợp còn lại HĐQT phải triệu tập họp cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, tính từ ngày phát sinh lý do họp. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ như quy định thì Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty. b. Trường hợp HĐQT không triệu tập cuộc họp nêu trên, thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, BKS sẽ phải thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ. Trường hợp BKS không triệu tập họp ĐHĐCĐ như quy định thì Trưởng BKS phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh	Khoản 4 Điều 13: “4. Thâm quyền triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường: a. HĐQT phải triệu tập một cuộc họp cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày xảy ra các sự kiện quy định tại điểm a và b Khoản 3 Điều 13 Điều lệ. b. HĐQT phải triệu tập một cuộc họp cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện theo quy định tại điểm c Khoản 3 Điều lệ và/hoặc nhận được các yêu cầu theo quy định tại điểm d, e và f Khoản 3 Điều 13 Điều lệ. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ như quy định thì Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty. c. Trường hợp HĐQT không triệu tập cuộc họp nêu trên, thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ủy ban kiểm toán sẽ phải thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ. Trường hợp Ủy ban kiểm toán không triệu tập họp	Điều chỉnh cho phù hợp với mô hình hoạt động và Luật Doanh nghiệp hiện hành

	đối với Công ty. c. Trường hợp BKS không triệu tập cuộc họp, những cổ đông hoặc một nhóm cổ đông có yêu cầu nêu tại điểm d khoản 3 của Điều này có thể triệu tập họp ĐHĐCĐ. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp ĐHĐCĐ có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.”	ĐHĐCĐ như quy định thì <i>các thành viên Ủy ban kiểm toán</i> phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty. d. Trường hợp <i>HDQT</i> và Ủy ban kiểm toán không triệu tập cuộc họp, cổ đông hoặc một nhóm cổ đông có quyền yêu cầu nêu tại điểm e khoản 3 Điều 13 Điều lệ sẽ triệu tập họp ĐHĐCĐ. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp ĐHĐCĐ có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.”	
21	Điểm d Khoản 5 Điều 13: “đ. Dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên HDQT, BKS.”	Điểm d Khoản 5 Điều 13: “đ. Dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên HDQT.”	Bỏ cụm từ “BKS” cho phù hợp với mô hình hoạt động Công ty
22	Điểm d Khoản 1 Điều 14: “d. Báo cáo của BKS về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của HDQT, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc.”	Điểm d Khoản 1 Điều 14: “d. Báo cáo của Ủy ban kiểm toán về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của HDQT và Ban Tổng giám đốc.”	Điều chỉnh cho phù hợp với mô hình hoạt động Công ty
23	Điểm d Khoản 1 Điều 14: “đ. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và của từng kiểm soát viên.”	- Bỏ điểm này.	Điều chỉnh cho phù hợp với mô hình hoạt động Công ty
24	Điểm c Khoản 2 Điều 14: “c. Số lượng thành viên của HDQT, BKS.”	Điểm c Khoản 2 Điều 14: “c. Số lượng thành viên của HDQT.”	Bỏ cụm từ “BKS” cho phù hợp với mô hình hoạt động Công ty

25	Điểm d Khoản 1 Điều 14: “d. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên HĐQT và BKS.”	Điểm d Khoản 1 Điều 14: “d. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên HĐQT.”	Bỏ cụm từ “BKS” cho phù hợp với mô hình hoạt động Công ty
26	Điểm e Khoản 1 Điều 14: “e. Tổng số tiền thù lao của các thành viên HĐQT, BKS và Báo cáo tiền thù lao của HĐQT, BKS.”	Điểm e Khoản 1 Điều 14: “e. Tổng số tiền thù lao của các thành viên HĐQT và Báo cáo tiền thù lao của HĐQT.”	Bỏ cụm từ “BKS” cho phù hợp với mô hình hoạt động Công ty
27	Điểm l Khoản 2 Điều 14: “l. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của HĐQT hoặc BKS gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty.”	Điểm l Khoản 2 Điều 14: “l. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của HĐQT hoặc <i>cán bộ quản lý</i> gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty.”	Điều chỉnh cho phù hợp với mô hình hoạt động Công ty
28	Điểm o Khoản 2 Điều 14: “o. Việc Chủ tịch HĐQT đồng thời làm Tổng Giám đốc điều hành.”	- Bỏ điểm này.	Điều chỉnh cho phù hợp thực tiễn
29	Điểm p Khoản 2 Điều 14: “p. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán.”	Điểm p Khoản 2 Điều 14: “p. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán.”	Điều chỉnh cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành
30	Khoản 1 Điều 16: “1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua	Khoản 1 Điều 16: “1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết	Điều chỉnh cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành

	việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.”	dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.”	
31	Khoản 1 Điều 17: “1. HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ trừ các trường hợp quy định tại điểm b và c khoản 4 Điều 13 Điều lệ này.”	Khoản 1 Điều 17: “1. HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ trừ các trường hợp quy định tại điểm c và d khoản 4 Điều 13 Điều lệ này.”	Điều chỉnh cho phù hợp với điều khoản viện dẫn tại Điều lệ sửa đổi
32	Điểm a Khoản 2 Điều 17: “a. Chuẩn bị một danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội xong trước ít nhất ba mươi (30) ngày so với ngày bắt đầu tiến hành ĐHĐCĐ; chương trình họp, và các tài liệu phù hợp với pháp luật và các quy định của Công ty.”	Điểm a Khoản 2 Điều 17: “a. Chuẩn bị một danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội, chương trình họp và các tài liệu phù hợp với Pháp luật và các quy định của Công ty.”	Điều chỉnh cho phù hợp với quy định Pháp luật
33	Khoản 3 Điều 17: “3. Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên	Khoản 3 Điều 17: “3. Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên	Điều chỉnh cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành

	phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. Thông báo họp ĐHĐCĐ phải được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông và đăng trên website của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ website để các cổ đông có thể tiếp cận.”	phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. Thông báo họp ĐHĐCĐ phải được gửi ít nhất <i>hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ</i>, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề được biểu quyết tại đại hội sẽ được đăng trên website của Công ty. Thông báo gửi cổ đông phải nêu rõ địa chỉ website nơi đăng tải các tài liệu họp ĐHĐCĐ để các cổ đông có thể tiếp cận.”	
34	Khoản 4 Điều 17: 4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (6) tháng có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (3) ngày trước khi bắt đầu họp ĐHĐCĐ. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.”	Khoản 4 Điều 17: 4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông <i>theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ</i> có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày <i>làm việc</i> trước khi bắt đầu họp ĐHĐCĐ. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.”	Điều chỉnh cho phù hợp với điều khoản viện dẫn tại Điều lệ sửa đổi
35	Khoản 5 Điều 17: “5. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ chỉ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 của Điều này nếu: a. Đề xuất không được gửi đúng thời hạn.	Khoản 5 Điều 17: “5. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ chỉ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 của Điều này nếu: a. Đề xuất không được gửi đúng thời	Điều chỉnh cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành

	b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ sáu (6) tháng trở lên. c. Đề xuất không chứa đựng những thông tin cần thiết; và d. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của ĐHĐCĐ bàn bạc và thông qua các nghị quyết.”	hạn. b. <i>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông không đủ điều kiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ;</i> c. Đề xuất không chứa đựng những thông tin cần thiết; và d. <i>Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của ĐHĐCĐ.”</i>	
36	Khoản 7 Điều 17: “7. Đối với từng vấn đề trong chương trình họp, HĐQT phải chuẩn bị dự thảo một nghị quyết.”	Khoản 7 Điều 17: “7. Đối với từng vấn đề trong chương trình họp, HĐQT phải chuẩn bị dự thảo các nội dung này trong cùng một (01) nghị quyết hoặc tách thành nhiều nghị quyết.”	Điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn
37	Khoản 1 Điều 18: “1. ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.”	Khoản 1 Điều 18: “1. Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.”	Điều chỉnh cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành
38	Khoản 4 Điều 19: “4. Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa các cuộc họp do HĐQT triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng BKS điều khiển để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.”	Khoản 4 Điều 19: “4. Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa các cuộc họp do HĐQT triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số.”	Điều chỉnh cho phù hợp với mô hình hoạt động Công ty
39	Khoản 2 Điều 20: “2. Trừ trường hợp quy khoản 1 và khoản 3 Điều này, các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít	Khoản 2 Điều 20: “2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ	Điều chỉnh cho phù hợp với điều khoản viện dẫn tại Điều lệ sửa đổi

	nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện uỷ quyền có mặt tại ĐHĐCĐ.”	đồng dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Điều 16.1, Điều 20.1 và Điều 20.3 Điều lệ này.”	
40	Khoản 3 Điều 20: “3. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân (x) với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT hoặc BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT hoặc BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử (nếu có).”	Khoản 3 Điều 20: “3. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân (x) với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử (nếu có).”	Bổ cụm từ “BKS” cho phù hợp với mô hình hoạt động Công ty
41	Khoản 1 Điều 21: “1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.”	Khoản 1 Điều 21: “1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.”	Điều chỉnh cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành
42	Điểm g Khoản 3 Điều 21: “g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty.”	Điểm g Khoản 3 Điều 21: “g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT.”	Điều chỉnh cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành

43	Khoản 6 Điều 21: “6. HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của BKS hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:...”	Khoản 6 Điều 21: “6. HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của đại diện Ủy ban kiểm toán hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:...”	Điều chỉnh cho phù hợp với mô hình hoạt động Công ty
44	Điểm g Khoản 6 Điều 21: “g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.”	Điểm g Khoản 6 Điều 21: “g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người kiểm phiếu và của người giám sát kiểm phiếu.”	Điều chỉnh cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành
45	Khoản 9 Điều 21: “9. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.”	Khoản 9 Điều 21: “9. Nghị quyết được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 16 Điều lệ.”	Điều chỉnh cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành
46	Điều 23: “Điều 23: Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng Cổ đông 1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (6) tháng có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây: a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra	Điều 23: “Điều 23: Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng Cổ đông: 1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây: a. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh	Điều chỉnh cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành

	quyết định của ĐHĐCĐ không thực hiện đúng theo quy định của Điều lệ Công ty hoặc quy định của Pháp luật, trừ trường hợp quy định tại khoản 8 Điều 17 Điều lệ này. b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty. 2. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 1 Điều này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền. 3. Trường hợp quyết định của ĐHĐCĐ bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại ĐHĐCĐ trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ này.”	<i>nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 8 Điều 17 Điều lệ này;</i> b. Nội dung nghị quyết vi phạm Pháp luật hoặc Điều lệ này. 2. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết ĐHĐCĐ thì nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền. 3. Trường hợp quyết định của ĐHĐCĐ bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án, Trọng tài, người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại ĐHĐCĐ trong vòng sáu mươi (60) ngày theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.”	
47	Khoản 1 Điều 24: “1. Số lượng thành viên HĐQT ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của HĐQT là năm (05) năm, trừ nhiệm kỳ đầu tiên là ba (03) năm (Nhiệm kỳ 2004 -2007). Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm; thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp thành viên HĐQT kết thúc nhiệm kỳ	Khoản 1 Điều 24: “1. Số lượng thành viên HĐQT ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của HĐQT là năm (05) năm, trừ nhiệm kỳ đầu tiên là ba (03) năm (Nhiệm kỳ 2004 -2007). Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm; thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp thành viên HĐQT kết thúc	Điều chỉnh cho phù hợp với mô hình hoạt động Công ty

	nhưng chưa có người bổ sung hoặc bầu thay thế thì thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp thành viên đó không muốn tiếp tục tham gia HĐQT.”	nhệm kỳ nhưng chưa có người bổ sung hoặc bầu thay thế thì thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp thành viên đó không muốn tiếp tục tham gia HĐQT. Số lượng thành viên HĐQT độc lập phải phù hợp với quy định của Pháp luật.	
48	Khoản 2 Điều 24: “2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 9% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (6) tháng được quyền ứng cử hoặc đề cử người vào HĐQT của Công ty. Cổ đông có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào HĐQT. Số người được ứng cử hoặc đề cử theo tỷ lệ nắm giữ cổ phần của Công ty được quy định như sau: từ 9% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên; và từ 90% trở lên được đề cử tối đa chín (09) ứng viên.”	Khoản 2 Điều 24: “2. Căn cứ vào số lượng thành viên HĐQT từng nhiệm kỳ theo quyết định của ĐHĐCĐ, cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ tối thiểu 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một hoặc một số ứng viên tham gia HĐQT. Số lượng ứng viên cụ thể sẽ do HĐQT quy định tại Quy chế bầu cử. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào HĐQT phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ ít nhất năm (05) ngày làm việc.”	Điều chỉnh cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành và thực tiễn
49	Điểm a Khoản 4 Điều 24: “a. Không có đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo	Điểm a Khoản 4 Điều 24: “a. Không có đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo	Điều chỉnh cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện

	quy định tại Điều 151 của Luật Doanh nghiệp hoặc bị cơ quan có thẩm quyền cấm không được làm thành viên HĐQT.”	quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp hoặc bị cơ quan có thẩm quyền cấm không được làm thành viên HĐQT.”	hành
50	Khoản 6 Điều 24: “6. Trường hợp số lượng thành viên HĐQT giảm nhưng không quá 1/3 số lượng thành viên theo quy định tại khoản 1 Điều này, HĐQT có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên HĐQT để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại cuộc họp ĐHĐCĐ ngay tiếp sau đó. Sau khi được ĐHĐCĐ chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được HĐQT bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của HĐQT. Trong trường hợp thành viên mới không được ĐHĐCĐ chấp thuận, mọi quyết định của HĐQT cho đến trước thời điểm diễn ra ĐHĐCĐ có sự tham gia biểu quyết của thành viên HĐQT thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.”	Khoản 6 Điều 24: “6. Trường hợp số lượng thành viên HĐQT giảm nhưng không thấp hơn số lượng tối thiểu theo quy định của Pháp luật, HĐQT có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên HĐQT để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại cuộc họp ĐHĐCĐ ngay tiếp sau đó. Sau khi được ĐHĐCĐ chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được HĐQT bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của HĐQT. Trong trường hợp thành viên mới không được ĐHĐCĐ chấp thuận, mọi quyết định của HĐQT cho đến trước thời điểm diễn ra ĐHĐCĐ có sự tham gia biểu quyết của thành viên HĐQT thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.”	Điều chỉnh cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành
51	Điểm c Khoản 4 Điều 25: “c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149, khoản 2 Điều 162 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp phải do ĐHĐCĐ phê chuẩn, HĐQT tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm Công ty và liên doanh).”	Điểm c Khoản 4 Điều 25: “c. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 153, Khoản 2 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp phải do ĐHĐCĐ phê chuẩn, HĐQT tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm Công ty và liên doanh).”	Điều chỉnh cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành

52	Điểm d Khoản 3 Điều 27: “d. BKS”	- Bỏ điểm này	Điều chỉnh cho phù hợp với mô hình hoạt động Công ty
53	Điểm d Khoản 10 Điều 27: “d. Thành viên HĐQT được hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại khoản 1 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.”	Điểm d Khoản 10 Điều 27: “d. Thành viên HĐQT được hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại khoản 1 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.”	Điều chỉnh cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành
54	Khoản 2 Điều 30: “2. Nhiệm kỳ: Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc điều hành là ba (03) năm và có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc điều hành không phải là người mà luật pháp cấm giữ chức vụ này.”	Khoản 2 Điều 30: “2. Nhiệm kỳ: Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc điều hành là không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc điều hành không phải là người mà luật pháp cấm giữ chức vụ này.”	Điều chỉnh cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành
55	Điều 31: “Điều 31: Thư ký Công ty HĐQT sẽ chỉ định một hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của HĐQT. HĐQT có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. HĐQT cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm: a. Chuẩn bị các cuộc họp của HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc BKS. b. Tham dự và làm biên bản các cuộc họp. c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.”	Điều 31: “Điều 31: Người phụ trách quản trị Công ty HĐQT có thể chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Người phụ trách quản trị Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của HĐQT. HĐQT có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. HĐQT cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Người phụ trách quản trị Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị Công ty bao gồm: 1. Chuẩn bị các cuộc họp của HĐQT và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của Chủ tịch	Điều chỉnh cho phù hợp với Pháp luật chứng khoán

	d. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT và BKS. Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.”	HĐQT; 2. Tham dự các cuộc họp, lập biên bản họp; 3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp; 4. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT. Người phụ trách quản trị Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.”	
56	Chương IX: “CHƯƠNG IX: BAN KIỂM SOÁT”	Chương IX: “CHƯƠNG IX: ỦY BAN KIỂM TOÁN”	Điều chỉnh cho phù hợp mô hình hoạt động Công ty
57	Điều 32: “Điều 32: Thành viên Ban kiểm soát 1. Số lượng thành viên BKS của Công ty là ba (03) thành viên. Các thành viên BKS không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Thành viên BKS phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên. Các thành viên BKS không phải là người có liên quan với các thành viên HĐQT, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty. BKS phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng BKS theo nguyên tắc đa số. Trưởng BKS phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên	Điều 32: “Điều 32: Ủy ban kiểm toán 1. Ủy ban kiểm toán sẽ do HĐQT quyết định thành lập và hoạt động theo Quy chế làm việc của Ủy ban kiểm toán do HĐQT ban hành tại từng thời điểm. 2. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy ban kiểm toán sẽ được quy định cụ thể trong Quy chế làm việc của Ủy ban kiểm toán và theo quy định của Pháp luật có liên quan.”	Điều chỉnh cho phù hợp mô hình hoạt động Công ty

trách tại Công ty. Trường hợp Trưởng BKS không làm việc chuyên trách tại Công ty thì phải đảm bảo thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo Điều lệ này và theo quy định của Pháp luật.

Trưởng BKS có các quyền và trách nhiệm sau:

- a. Triệu tập cuộc họp BKS.
- b. Yêu cầu HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo BKS.
- c. Lập và ký báo cáo của BKS sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình ĐHĐCĐ.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (6) tháng được quyền đề cử hoặc ứng cử người vào BKS của Công ty. Cổ đông có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào BKS. Số người được ứng cử hoặc đề cử theo tỷ lệ nắm giữ cổ phần của Công ty được quy định như sau: 5% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 35% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 35% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; và từ 65% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

3. Các thành viên của BKS do ĐHĐCĐ bổ nhiệm, nhiệm kỳ của BKS không quá năm

	(05) năm; thành viên BKS có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. 4. Thành viên BKS không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau: a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên BKS. b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính của Công ty. c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của BKS có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi. d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của BKS liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này BKS không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống. e. Thành viên đó bị cách chức thành viên BKS theo quyết định của ĐHĐCĐ. 5. Trong nhiệm kỳ, nếu khuyết thành viên BKS thì tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên ngay tiếp sau đó phải tiến hành bầu bổ sung.”		
58	Điều 33: “Điều 33: Quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của Ban kiểm soát; quyền được cung cấp thông tin và thù lao Ban kiểm soát 1. BKS có quyền, nghĩa vụ sau đây: a. BKS thực hiện giám sát HĐQT, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.	Điều 33: “Điều 33: Thành viên Ủy ban kiểm toán 1. Tùy theo nhu cầu và tình hình thực tế mà HĐQT sẽ quyết định số lượng thành viên Ủy ban kiểm toán và người đứng đầu Ủy ban kiểm toán. 2. Tiêu chuẩn, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Ủy ban kiểm	Điều chỉnh cho phù hợp với mô hình hoạt động Công ty

b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. c. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu (06) tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên ĐHĐCĐ. d. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty. đ. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật Doanh nghiệp. e. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật Doanh nghiệp, BKS thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, BKS phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.	toán được quy định cụ thể trong Quy chế làm việc Ủy ban kiểm toán do HĐQT ban hành và phù hợp với các quy định của Pháp luật hiện hành.”	
---	---	--

Việc kiểm tra của BKS quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty. g. Kiến nghị HĐQT hoặc ĐHĐCĐ các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty. h. Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 160 của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. i. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT và các cuộc họp khác của Công ty. k. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao. l. BKS có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ. 2. Trách nhiệm của BKS: a. Tuân thủ đúng Pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết của ĐHĐCĐ và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. b. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.		
--	--	--

c. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

d. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

3. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại điểm a, b, c và d khoản 2 nêu trên mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc bên thứ ba (cá nhân, tổ chức) thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích mà Kiểm soát viên có được từ hoạt động sai phạm phải hoàn trả cho Công ty hoặc được xử lý theo quy định của Pháp luật.

4. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì HĐQT phải thông báo bằng văn bản đến BKS; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

5. BKS được hưởng quyền được cung cấp thông tin theo quy định tại Điều 166 Luật Doanh nghiệp.

6. Sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT, BKS có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của BKS và cách thức hoạt động của BKS. BKS phải họp tối thiểu hai (2) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (2) người.

	7. Lương, thù lao của Kiểm soát viên: a. Kiểm soát viên được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của ĐHĐCĐ. Ngân sách hoạt động hằng năm của BKS sẽ do ĐHĐCĐ quyết định. b. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của BKS đã được ĐHĐCĐ chấp thuận, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác; c. Tiền lương và chi phí hoạt động của BKS được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, Pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.”		
59	Chương X	Thay đổi cụm từ “THÀNH VIÊN BKS” thành cụm từ “ỦY BAN KIỂM TOÁN” tại tên gọi Chương X, các nội dung còn lại giữ nguyên không thay đổi	Điều chỉnh cho phù hợp mô hình hoạt động Công ty
60	Điều 34	Thay đổi cụm từ “thành viên BKS” thành cụm từ “Ủy ban kiểm toán” tại Điều 34, các nội dung còn lại giữ nguyên không thay đổi	Điều chỉnh cho phù hợp mô hình hoạt động Công ty
61	Điều 35	Thay đổi cụm từ “thành viên BKS” thành cụm từ “Ủy ban kiểm toán” tại Điều 35, các nội dung còn lại giữ nguyên không thay đổi, ngoại trừ Khoản 4 Điều 35 được điều chỉnh như bên dưới đây	Điều chỉnh cho phù hợp mô hình hoạt động Công ty

62	Khoản 4 Điều 35: “4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong trường hợp được chấp thuận theo các quy định tại Điều 162 Luật Doanh nghiệp 2014.”	Khoản 4 Điều 35: “4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên HĐQT, Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên HĐQT, Ủy ban kiểm toán, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong trường hợp được chấp thuận theo các quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp.”	Điều chỉnh cho phù hợp với mô hình hoạt động Công ty và quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành
63	Điều 36	- Thay đổi cụm từ “thành viên BKS” thành cụm từ “Ủy ban kiểm toán” tại Điều 36, các nội dung còn lại giữ nguyên không thay đổi	Điều chỉnh cho phù hợp mô hình hoạt động Công ty
64	Điều 37	- Thay đổi cụm từ “thành viên BKS” thành cụm từ “Ủy ban kiểm toán” tại Điều 37, các nội dung còn lại giữ nguyên không thay đổi, ngoại trừ Khoản 1 Điều 37 được điều chỉnh như bên dưới đây	Điều chỉnh cho phù hợp mô hình hoạt động Công ty
65	Khoản 1 Điều 37: “1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại khoản 2 Điều 24 và khoản 2 Điều 32 có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi một văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty danh sách các cổ đông, các biên bản của ĐHĐCĐ và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Một yêu cầu kiểm tra do phía luật sư	Khoản 1 Điều 37: “1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi một văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty danh sách các cổ đông, các biên bản của ĐHĐCĐ và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Một yêu cầu kiểm tra do	Điều chỉnh cho phù hợp với điều khoản viện dẫn tại Điều lệ sửa đổi

	đại diện hoặc đại diện được ủy quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của Cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.”	phía luật sư đại diện hoặc đại diện được ủy quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của Cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.”	
66	Điều 49 “Điều 49: Gia hạn hoạt động 1. HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của HĐQT. 2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ thông qua.”	<i>Bỏ toàn bộ Điều này</i>	Điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn là Công ty hoạt động vô thời hạn
67	Điều 50, Điều 51, Điều 52 và Điều 53	<i>Điều chỉnh tương ứng thành Điều 49, Điều 50, Điều 51 và Điều 52. Tên Điều và các nội dung bên trong các Điều này vẫn giữ nguyên không thay đổi.</i>	Điều chỉnh cho phù hợp số thứ tự Điều trong Điều lệ sửa đổi
68	Điều 51	Thay đổi cụm từ “BKS” thành cụm từ “Ủy ban kiểm toán” tại Điều 50, các nội dung còn lại giữ nguyên không thay đổi	Điều chỉnh cho phù hợp mô hình hoạt động Công ty
69	Khoản 1 Điều 53: “1. Bản điều lệ này gồm 21 Chương 53 Điều, được ĐHĐCĐ Công ty nhất trí thông qua ngày 18 tháng 08 năm 2017 tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.”	Khoản 1 Điều 52: “1. Bản điều lệ này gồm 21 Chương 52 Điều, được ĐHĐCĐ Công ty nhất trí thông qua ngày 27 tháng 04 năm 2021 tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.”	Điều chỉnh cho phù hợp
70	Khoản 5 Điều 53: “5. Bản Điều lệ này sẽ thay thế bản Điều lệ	Khoản 5 Điều 52: “5. Bản Điều lệ này sẽ thay thế bản Điều	Điều chỉnh cho phù hợp

	đã được ĐHĐCĐ thông qua vào ngày 18 tháng 08 năm 2017.”	lệ đã được ĐHĐCĐ thông qua vào ngày 22 tháng 08 năm 2018.”	
--	---	--	--

Ghi chú:

- Các nội dung khác trong Điều lệ hiện hành mà không được đề cập trong bảng trên thì vẫn giữ nguyên, không thay đổi.
- Quý cổ đông có thể tham khảo nội dung cụ thể của Điều lệ hiện hành được đăng tải trên trang web: <http://www.tiegroupp.vn> để đối chiếu với nội dung mà HĐQT đề nghị sửa đổi, bổ sung.